

BIỆN PHÁP GIÁM SÁT ĐIỆN TỬ THEO PHÁP LUẬT CỘNG HÒA PHÁP VÀ GỢI MỞ CHO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

ThS TRẦN MINH CHIẾN

Khoa Luật, Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh
Faculty of Law, Hung Vuong University of Ho Chi Minh City

Email: chientm@dhv.edu.vn

ĐÀO TẤN ANH

Học viên Cao học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
LL.M. Candidate, Ho Chi Minh City University of Law

Email: tananhlaw@gmail.com

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu biện pháp giám sát điện tử theo quy định của Pháp, bao gồm điều kiện, phạm vi và cơ chế kiểm soát. Tác giả kiến nghị nghiên cứu bổ sung biện pháp giám sát điện tử vào pháp luật hình sự Việt Nam. Tác giả đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng thực tế.

Từ khóa: biện pháp tư pháp hình sự; biện pháp thay thế giam giữ; giám sát điện tử; tái hòa nhập

Abstract

The article analyzes the legal framework of electronic monitoring in France, specifically examining its conditions, scope of application, and control mechanisms. The author recommends incorporating electronic monitoring into Vietnamese criminal legislation as a criminal justice measure. Furthermore, the author proposes solutions to ensure the feasibility and effectiveness of its practical implementation.

Keywords: criminal justice measure; alternatives to imprisonment; electronic monitoring; reintegration

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.611>

Ngày nhận bài: 16/12/2025

Ngày duyệt đăng: 8/4/2026

Giám sát điện tử, trong bối cảnh cải cách tư pháp, đang trở thành giải pháp thay thế giam giữ và tăng cường quản lý người phạm tội ngoài xã hội. Thông qua các thiết bị như vòng đeo tay hoặc chân điện tử, biện pháp này cho phép theo dõi vị trí và hành vi của người bị giám sát từ xa,¹ giúp giảm tải nhà tù và hỗ trợ tái hòa nhập.² Nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng biện pháp này ở các giai đoạn khác nhau của quá trình tố tụng và thi hành án hình sự.³ Các nghiên cứu chỉ ra rằng nếu được thực hiện đúng cách, giám sát điện tử có thể giúp giảm tỷ lệ tái phạm so với việc giam giữ thông thường,⁴ đồng thời giảm tải cho nhà tù và tạo cơ hội cho người chấp hành án duy trì liên hệ với gia đình, công việc và cộng đồng.⁵ Tuy nhiên, biện pháp này cũng đặt ra không ít thách thức về mặt kỹ thuật, pháp lý và xã hội.⁶

1 Matt Black and Russell G. Smith, "Electronic monitoring in the criminal justice system", *Trends and issues in crime and criminal justice*, No. 254, 2003.

2 Nguyễn Thị Ánh Hồng, "Hình phạt cộng đồng trong luật hình sự một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam", *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 08(192), 2025, tr. 24-35, DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.297>

3 Chẳng hạn, tại châu Âu, đã có ít nhất 27 quốc gia triển khai giám sát điện tử ở nhiều giai đoạn tố tụng. Xem Mike Nellis, "Understanding the electronic monitoring of offenders in Europe: Expansion, regulation and prospects", *Crime, Law and Social Change*, Vol. 62, 2014, tr. 489-510, DOI: <https://doi.org/10.1007/s10611-014-9540-8>

4 Anaïs Henneguelle, Benjamin Monnery and Annie Kensey, "Better at home than in prison? The effects of electronic monitoring on recidivism in France", *The Journal of Law & Economics*, Vol. 59(3), 2016, pp. 629-667.

5 Ngọc Vũ, "Pháp: Quản lý tù nhân bằng vòng điện tử", *Báo Công an nhân dân*, <https://cand.com.vn/do-day/Phap-Quan-ly-tu-nhan-bang-vong-dien-tu-i281487/>, truy cập ngày 04/6/2025.

6 Về mặt kỹ thuật như độ tin cậy của thiết bị, nguy cơ bị vô hiệu hóa, về pháp lý như khung pháp lý điều chỉnh, quyền riêng tư của người bị giám sát và xã hội như tâm lý mặc cảm của người đeo vòng, quan niệm của cộng đồng, xem Ngọc Vũ, *tlđđ*.

Tại Pháp, việc áp dụng giám sát điện tử đã được luật pháp cho phép từ sớm (cuối thập niên 1990) và mở rộng qua nhiều giai đoạn.⁷ Ban đầu, Pháp triển khai thử nghiệm đeo vòng điện tử từ năm 2000 như một biện pháp thi hành án cho phạm nhân ngắn hạn.⁸ Đến nay, giám sát điện tử đã trở thành biện pháp quen thuộc trong hệ thống tư pháp hình sự Pháp, được áp dụng ở ba giai đoạn chính: (i) tiền xét xử (*Assignation à Résidence sous Surveillance Électronique*, ARSE) tức quản thúc tại gia có đeo vòng thay cho tạm giam;⁹ (ii) thi hành án phạt tù (*Placement sous Surveillance Électronique*, PSE) có quan hệ gần nhưng không đồng nhất hoàn toàn với, *détention à domicile sous surveillance électronique*, đều hướng đến việc chấp hành án ngoài cơ sở giam giữ theo điều kiện luật định;¹⁰ (iii) sau khi chấp hành xong án tù (*Placement sous Surveillance Électronique Mobile*, PSEM) tức giám sát điện tử di động, thường áp dụng như một biện pháp bảo đảm (*mesure de sûreté*) đối với một số tội phạm đặc biệt nguy hiểm nhằm kiểm soát họ trong cộng đồng.¹¹

Nhu cầu áp dụng giám sát điện tử tại Việt Nam rất rõ ràng, xuất phát từ cả yêu cầu thực tiễn và xu hướng quốc tế. Cụ thể, từ năm 2018 đến 2023, có hơn 210.000 người bị cấm đi khỏi nơi cư trú.¹² Quản lý người chấp hành án treo gặp nhiều thách thức do có trường hợp bỏ trốn. Để khắc phục, Bộ Công an đã đề xuất bổ sung giám sát điện tử vào Bộ luật Hình sự (BLHS) sửa đổi năm 2025 nhưng không được Quốc hội thông qua.

1. Pháp luật hình sự Pháp về giám sát điện tử

1.1. Khung pháp lý và các hình thức giám sát điện tử

Pháp luật hình sự Pháp không quy định “giám sát điện tử” như một hình phạt bổ sung riêng biệt đi kèm bản án, mà xem đây là một phương thức thi hành án hoặc biện pháp tư pháp.

Giai đoạn điều tra, truy tố (tiền xét xử): Tòa án có thể ra lệnh quản thúc tại gia kèm theo giám sát điện tử đối với bị can, bị cáo.¹³ Đây được coi là một biện pháp ngăn chặn thay thế cho tạm giam (tương ứng với giam bị can trong trại giam chờ xét xử). Theo quy định, ARSE được áp dụng khi xét thấy bị can có nơi cư trú cố định, có cam kết chấp hành và việc quản thúc tại gia với vòng điện tử có thể đảm bảo sự có mặt của họ khi cần xét xử. Biện pháp này lần đầu được cho phép bởi Luật số 97-1159 ngày 19/12/1997, giúp các thẩm phán kiểm soát bị can tại nhà, buộc họ không rời khỏi nơi cư trú vào các giờ nhất định, thay vì phải giam giữ trong trại.¹⁴ ARSE có ưu điểm giảm bớt việc tạm giam (vốn bị xem là biện pháp nặng nề, ảnh hưởng quyền tự do trước khi có bản án kết tội). Ở Pháp, ARSE được coi là nằm giữa kiểm

7 Annie Kensey, René Lévy, Abdelmalik Benaouda, “Le développement de la surveillance électronique en France et ses effets sur la récidive”, *Criminologie*, Vol. 43(2), 2010, tr. 153-178, DOI : <https://doi.org/10.7202/1001773ar>

8 Ngọc Vũ, *tlđđ*.

9 Marie Crètenot, *Alternatives to Prison in Europe: France, Antigone Edizioni*, Rome, 2015, tr. 24.

10 Anaïs Henneguelle, Benjamin Monnery and Annie Kensey, *tlđđ*.

11 Assemblée nationale, “Question écrite n° 40154: Bracelets électroniques”, <https://questions.assemblee-nationale.fr/q15/15-40154QE.htm>, truy cập ngày 04/6/2025.

12 Kim Oanh, “Đề xuất dùng vòng điện tử quản lý một số tội phạm”, *Trang thông tin điện tử của Cơ quan Báo và Phát thanh truyền hình Hà Nội*, 2024, <https://hanoionline.vn/video/de-xuat-dung-vong-dien-tu-quan-ly-mot-so-toi-pham-257511.htm>, truy cập ngày 04/6/2025.

13 European Committee on Crime Problems (CDPC), “Compilation of comments by delegations to the draft recommendation on electronic monitoring and its draft commentary”, <https://rm.coe.int/168070ce8d>, truy cập ngày 04/6/2025.

14 Anaïs Henneguelle, Benjamin Monnery and Annie Kensey, *tlđđ*.

soát tư pháp và tạm giam, nhằm đảm bảo quyền con người mà vẫn phòng ngừa được nguy cơ bỏ trốn hay phạm tội tiếp.¹⁵

Giai đoạn xét xử và thi hành án là lĩnh vực áp dụng chủ yếu giám sát điện tử ở Pháp. Từ năm 1999–2000, Pháp bắt đầu cho phép thụ án tại gia dưới sự giám sát điện tử,¹⁶ ban đầu áp dụng sau khi tuyên án tù như một biện pháp “ân giảm hình phạt”.¹⁷ Theo BLHS Pháp, tòa án hoặc Thẩm phán áp dụng hình phạt (*juge de l'application des peines*, JAP) có thể cho phép những người bị kết án tù có thời hạn ngắn, thụ án tại nhà với vòng điện tử thay vì phải chấp hành án trong cơ sở giam giữ.¹⁸ Quy định này được nêu tại Điều 132-25 và 132-26 BLHS Pháp.¹⁹ Ngoài ra, những phạm nhân đang thi hành án tù mà còn lại ít hơn hoặc bằng 2 năm chưa chấp hành xong, nếu có quá trình cải tạo tốt và điều kiện cư trú, việc làm hoặc khả năng kiểm soát bảo đảm, JAP cũng có thể quyết định chuyển họ sang hình thức giam giữ tại gia có đeo vòng để họ sớm hòa nhập cộng đồng.²⁰ Hình thức *Placement sous surveillance électronique* (PSE) hoặc *Détention à domicile sous surveillance électronique* (DDSE) giúp phạm nhân “nửa tự do”, cho phép họ ở nhà trong những khung giờ nhất định và ra ngoài để làm việc, học tập hoặc trị liệu. JAP ấn định cụ thể thời gian biểu và nếu vi phạm, chuông báo động sẽ kích hoạt và có thể dẫn đến việc hủy quyết định, đưa phạm nhân trở lại trại giam.²¹ Quyết định thi hành án tại gia phải được đưa ra trong vòng 4 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực.²² Để được hưởng hình thức này, phạm nhân phải có nơi cư trú rõ ràng, nếu không phải nhà riêng của họ thì cần có sự đồng ý của chủ nhà.²³ Cơ quan thi hành án sẽ thẩm định các yếu tố như điều kiện vật chất và thái độ của người phạm tội.²⁴ Trong một số trường hợp, thẩm phán có thể yêu cầu phạm nhân đeo vòng thử thách trước khi quyết định tha tù có điều kiện hoặc tha tù trước thời hạn. PSE và DDSE hiện được sử dụng rộng rãi với khoảng 18.000 người đang thụ án tại gia vào đầu năm 2024 bằng vòng điện tử,²⁵ vượt xa con số thời kỳ đầu.²⁶

Giai đoạn sau thi hành án (biện pháp bảo đảm tái hòa nhập): Pháp còn có một biện pháp đặc thù gọi là *Placement sous surveillance électronique mobile* (PSEM) – giám sát điện tử di động dành cho một số loại tội phạm nguy hiểm sau khi đã mãn hạn tù. Biện pháp này được tạo ra bởi Luật số 2005–1549 ngày 12/12/2005 về xử lý tái phạm.²⁷ Khác với PSE là biện pháp thi hành án (*peine*), PSEM được xem là một biện pháp phòng ngừa (*mesure*

15 Chẳng hạn, năm 2021, Pháp có khoảng vài trăm bị can bị quản thúc tại gia bằng vòng điện tử thay vì tạm giam. République Française, “Bracelet électronique lors d’une assignation à résidence”, <https://www.service-public.fr/particuliers/vosdroits/F2007>, truy cập ngày 04/6/2025.

16 Gọi tắt là *Placement sous surveillance électronique* (PSE), về sau còn gọi là *détention à domicile sous surveillance électronique* (DDSE).

17 European Committee on Crime Problems (CDPC), *tlđđ*.

18 Điều 723-7 Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp.

19 Cụ thể, tòa án khi tuyên án tù nhỏ hơn hoặc bằng 6 tháng bắt buộc xem xét hình thức DDSE, và với án tù nhỏ hơn hoặc bằng 1 năm thì có thể quyết định cho hưởng DDSE, giao JAP sắp xếp thực hiện.

20 Điều 723-7 Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp.

21 Ngọc Vũ, *tlđđ*; Điều 723-7-1 Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp.

22 Trường hợp án tuyên cho hưởng DDSE, Điều 723-7-1 Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp.

23 Điều 723-7 Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp.

24 Điều kiện vật chất (nhà có điện thoại hoặc sống di động để gắn thiết bị), thái độ của người phạm tội (có tự nguyện chấp hành hay không).

25 Paule Gonzalès, “Détention à domicile sous bracelet électronique, travail d’intérêt général... Le fiasco de la prison”, *Le Figaro*, <https://www.lefigaro.fr/actualite-france/detention-a-domicile-sous-bracelet-electronique-travail-d-interet-general-le-fiasco-de-la-prison-hors-les-murs-20250304>, truy cập ngày 04/6/2025.

26 Năm 2004 mới khoảng 1.000 người, theo Ngọc Vũ, *tlđđ*.

27 Assemblée nationale, *tlđđ*.

de sûrete) và không phải là hình phạt độc lập – tức chỉ áp dụng kèm theo một quyết định tư pháp khác.²⁸ Điều kiện để áp dụng PSEM là phải có đánh giá nguy cơ tái phạm và tính chất đặc biệt nguy hiểm của người đó.²⁹ PSEM thường gắn liền với chế độ giám sát tư pháp (*suivi socio-judiciaire*) hoặc quản thúc (*relégation*) sau mãn hạn.

Thiết bị GPS cho phép cơ quan chức năng theo dõi 24/7 vị trí của người đeo, thậm chí quy định các vùng cấm.³⁰ Nếu người bị PSEM vi phạm, hệ thống sẽ cảnh báo ngay và cảnh sát có thể can thiệp. Tuy pháp luật cho phép, nhưng trên thực tế PSEM được áp dụng rất ít ở Pháp – chủ yếu trong vài trường hợp phạm nhân tình dục đặc biệt nguy hiểm.³¹ Nguyên nhân là do đây là biện pháp hạn chế tự do rất nghiêm ngặt và tốn kém, chỉ dành cho số ít cá nhân có nguy cơ tái phạm cao.

Tóm lại, pháp luật hình sự Pháp không gọi tên “hình phạt giám sát điện tử” nhưng đã tích hợp biện pháp này vào quá trình tố tụng hình sự. Điểm đặc trưng là giám sát điện tử được dùng như phương thức thi hành án tù hoặc quản lý tư pháp, thay vì là hình phạt bổ sung như ở dự thảo của Bộ Công an. Điều này phản ánh quan niệm rằng giám sát điện tử chủ yếu thay thế giam giữ hoặc tăng cường kiểm soát đối tượng cần theo dõi, không mang tính trừng phạt bổ sung.

1.2. Thực tiễn áp dụng và hiệu quả tại Pháp

Sau hơn 20 năm triển khai, giám sát điện tử đã trở thành biện pháp quen thuộc trong thực tiễn tư pháp Pháp. Số liệu từ Bộ Tư pháp Cộng hòa Pháp cho thấy tính đến đầu năm 2024, khoảng 17-18 nghìn người đang chấp hành hình phạt tù tại gia có đeo vòng DDSE – chiếm gần 20% tổng số người đang thi hành án tù.³² Nếu tính cả những người bị quản thúc trước xét xử bằng vòng điện tử và những trường hợp PSEM, con số lên tới gần 15,6 nghìn người đeo vòng trên tổng số khoảng 96.500 người bị quản lý bởi cơ quan hành pháp hình sự. Quy mô áp dụng như vậy cho thấy giám sát điện tử đã trở thành trụ cột trong các biện pháp thay thế giam giữ ở Pháp.³³ Chính phủ Pháp từ năm 2019 đã đẩy mạnh chính sách ưu tiên các hình phạt thay thế (*peines alternatives*) nhằm giảm tình trạng quá tải của nhà tù. Theo báo cáo của *Cour des comptes* (tương đương Kiểm toán nhà nước) năm 2022, luật năm 2019 quy định rõ Tòa án phải xem xét biện pháp như TIG (lao động công ích) và DDSE (giám tại gia) trước khi lựa chọn phạt tù giam đối với tội phạm không quá nghiêm trọng.³⁴ Kết quả là số lượng người thụ án bằng hai hình thức này tăng nhanh (22.000 người lao động công ích và 18.000 người DDSE đầu 2024).³⁵

Về hiệu quả, có nghiên cứu chỉ ra rằng giám sát điện tử thay thế án tù ngắn hạn có tác dụng tích cực trong việc giảm tái phạm. Cụ thể, người thụ án tại gia bằng vòng

28 Chẳng hạn, tòa án có thể quyết định quản lý thời hậu tù đối với một số tội phạm tình dục, khủng bố bằng cách yêu cầu họ đeo vòng điện tử có định vị GPS trong một thời gian (có thể lên tới 10 năm, tùy trường hợp luật định).

29 Assemblée nationale, *tlđđ*.

30 Ví dụ, cấm đến gần trường học, nhà nạn nhân.

31 Assemblée nationale, *tlđđ*.

32 ILOT, “Les chiffres du ministère de la Justice”, <https://www.ilot.asso.fr/s-informer/prison-reinsertion/chiffres-prison-2024/>, truy cập ngày 04/6/2025.

33 Le Figaro avec AFP, “Quelles sont les prochaines étapes après la condamnation de Nicolas Sarkozy au port d’un bracelet électronique”, *Le Figaro*, <https://www.lefigaro.fr/politique/quelles-sont-les-prochaines-etapes-apres-la-condamnation-de-nicolas-sarkozy-au-port-d-un-bracelet-electronique-20241218>, truy cập ngày 04/6/2025.

34 Adèle Cailleateau, “Peines alternatives à la prison: les 4 constats de la Cour des comptes”, *ASH*, 2025, <https://www.ash.tm.fr/insertion/peines-alternatives-a-la-prison-les-4-constats-de-la-cour-des-comptes-964903.php>, truy cập ngày 04/6/2025.

35 Adèle Cailleateau, *tlđđ*

điện tử có tỷ lệ tái phạm thấp hơn 6 - 7% so với nhóm thụ án trong tù, giảm 9 - 11%.³⁶ Nếu người phạm tội từng ở tù và đeo vòng kèm các nghĩa vụ hỗ trợ tái hòa nhập như lao động, học nghề, điều trị, trình diện hoặc chịu kiểm tra định kỳ, hiệu quả giảm tái phạm còn cao hơn.³⁷ Hai yếu tố chính lý giải kết quả này là: tái hòa nhập (giúp phạm nhân duy trì công việc và quan hệ xã hội, tránh tác động tiêu cực từ tù) và tác dụng răn đe (người đeo vòng nhận thức rằng họ vẫn bị giám sát chặt chẽ). Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cảnh báo rằng hiệu quả giảm tái phạm có thể giảm nếu mở rộng giám sát điện tử quá mức mà không đảm bảo chất lượng giám sát (ví dụ, giảm tần suất kiểm tra trực tiếp, nới lỏng điều kiện).³⁸

Thực tiễn cũng ghi nhận những hạn chế và tranh luận tại Pháp. Trong số vụ việc cá biệt, người đang đeo vòng điện tử vẫn phạm tội nghiêm trọng, gây hoài nghi trong dư luận về tính an toàn của biện pháp này.³⁹ Mặc dù các báo cáo cho thấy việc cắt vòng bỏ trốn là “hiếm khi xảy ra”,⁴⁰ nhưng không phải không có. Những kẻ quyết tâm trốn chạy có thể tìm cách vô hiệu hóa thiết bị (chẳng hạn dùng dụng cụ cắt được dây đeo). Nếu một người có ý định phạm tội nghiêm trọng hoặc khủng bố, rõ ràng chiếc vòng không thể ngăn chặn hành vi đó xảy ra.⁴¹ Do vậy, giới chuyên gia nhấn mạnh giám sát điện tử không phải là giải pháp toàn diện và không nên áp dụng tùy tiện cho mọi trường hợp.⁴² Tòa án Pháp thường loại trừ những tội phạm bạo lực đặc biệt hoặc có nguy cơ cao khỏi diện được đeo vòng (họ vẫn phải chấp hành án phạt tù trong cơ sở giam giữ). Đồng thời, khi áp dụng DDSE, thẩm phán có thể kèm các điều kiện như cấm tiếp xúc nạn nhân, buộc trị liệu tâm lý... để tăng độ an toàn.

Về mặt xã hội và nhân quyền, giám sát điện tử ở Pháp từng bị phản đối bởi một số tổ chức bảo vệ nhân quyền giai đoạn đầu. Họ cho rằng việc đeo vòng tương tự như đeo “vòng nô lệ” thời xưa, làm nhục nhân phẩm người phạm tội.⁴³ Trong một bài phỏng vấn năm 2005, một phạm nhân tên Patrick thụ án tại gia với vòng điện tử chia sẻ cảm giác “xấu hổ” khi phải giấu chiếc vòng dưới vỏ giày, không dám mặc quần ngắn vì sợ người trong khu phố nhìn thấy và trêu chọc.⁴⁴ Anh ta ví chiếc vòng như “kẻ chỉ điểm” luôn kè kè dưới chân, nhắc nhở rằng mình vẫn chưa tự do.⁴⁵ Bù lại, Patrick thừa nhận ít ra anh không bị giam 24/24 trong bốn bức tường, vẫn có những khoảng thời gian được ở nhà với gia đình.⁴⁶ Cuộc sống dưới sự giám sát cũng khá căng thẳng: anh phải tuân thủ tuyệt đối giờ giấc, mỗi khi thăm con nhỏ xong phải chạy thật nhanh để về nhà kịp giờ, vì chỉ cần trễ một chuyến xe buýt là chuông cảnh báo reo và có nguy cơ bị bắt lại vào tù.⁴⁷ Thực tiễn này cho thấy giám sát điện tử tuy nhân đạo hơn tù giam nhưng vẫn là một hình thức chế tài, hạn chế tự do cá nhân đáng kể. Do đó, pháp luật

36 Anais Henneguella, Benjamin Monnery and Annie Kensey, *tlđđ*

37 Các nghĩa vụ hỗ trợ tái hòa nhập có thể bao gồm làm việc, học nghề, điều trị, trình diện hoặc chịu kiểm tra định kỳ. Anais Henneguella, Benjamin Monnery and Annie Kensey, *tlđđ*.

38 Anais Henneguella, Benjamin Monnery and Annie Kensey, *tlđđ*.

39 Mike Nellis, *tlđđ*.

40 Ngọc Vũ, *tlđđ*.

41 Deutsche Welle, “Offenders Tracking systems: The electronic ankle bracelet – more of a mental concept”, *MarketExpress*, 2017, <https://www.marketexpress.in/2017/01/offenders-tracking-systems-the-electronic-ankle-bracelet-more-of-a-mental-concept.html>, truy cập ngày 04/6/2025.

42 Mike Nellis, *tlđđ*.

43 Ngọc Vũ, *tlđđ*.

44 Như trên.

45 Như trên.

46 Như trên.

47 Như trên.

Pháp luôn nhấn mạnh tính “cân đối, phù hợp” khi áp dụng biện pháp này, đảm bảo không quá khắc nghiệt,⁴⁸ đồng thời không quá lỏng lẻo.

2. Nhu cầu bổ sung giám sát điện tử tại Việt Nam

2.1. Quy định pháp luật hình sự hiện hành

Trong BLHS hiện hành của Việt Nam, giám sát điện tử chưa được quy định như một hình phạt chính hay hình phạt bổ sung. Các hình phạt bổ sung được liệt kê tại BLHS năm 2015 bao gồm 7 loại, giám sát điện tử không nằm trong số này. Trong thực tiễn thi hành án hình sự, Việt Nam có một số biện pháp quản lý người bị kết án ngoài xã hội như: (i) án treo - người bị phạt tù nhưng được hưởng án treo phải chịu quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách tại địa phương; (ii) quản chế - hình phạt bổ sung buộc người bị kết án phải cư trú, sinh hoạt trong một địa bàn nhất định dưới sự giám sát của chính quyền sau khi chấp hành xong án tù; (iii) cấm cư trú - hình phạt bổ sung cấm người bị kết án cư trú tại một số địa phương nhất định trong một thời hạn⁴⁹; (iv) tha tù trước thời hạn có điều kiện (theo Luật Thi hành án hình sự năm 2019) - phạm nhân được ra tù sớm nhưng phải tuân thủ các điều kiện giám sát trong thời gian còn lại.⁵⁰ Tuy nhiên, tất cả các biện pháp trên hiện được giám sát chủ yếu bằng phương thức thủ công.

Việc thiếu công nghệ hỗ trợ khiến việc giám sát thủ công trở nên kém hiệu quả, đặc biệt khi số lượng đối tượng án treo ngày càng lớn. Điều này dễ dẫn đến vi phạm nghĩa vụ hoặc tái phạm mà cơ quan chức năng không kịp phát hiện. Do đó, việc ứng dụng giám sát điện tử trong thi hành án hình sự tại Việt Nam là cần thiết và cấp bách để nâng cao hiệu quả quản lý và ngăn ngừa tái phạm.

2.2. Một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam từ kinh nghiệm của Pháp

Trong quá trình sửa đổi BLHS năm 2025, giám sát điện tử từng được đề xuất như một hình phạt bổ sung trong hệ thống hình phạt của Việt Nam. Cụ thể, khoản 2 Điều 32 BLHS dự thảo thêm “cấm nhập cảnh” và “giám sát điện tử” là các hình phạt bổ sung mới.⁵¹ Luật sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2025 chính thức được thông qua, nhưng không quy định “giám sát điện tử” là một hình phạt bổ sung như dự thảo trước đó. Tác giả nghiên cứu một số nguồn tài liệu lập pháp về vấn đề này, tuy nhiên không có tài liệu nào giải thích lý do “lược bỏ” nội dung này. Việc nội dung này không được giữ lại trong Luật số 86/2025/QH15 cho thấy cần tiếp cận thận trọng hơn khi đề xuất thiết kế giám sát điện tử như một hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 đã ghi nhận giám sát điện tử như một biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo. Vì vậy, có thể xem đây là dấu hiệu lập pháp bước đầu về khả năng sử dụng công nghệ giám sát trong tố tụng hình sự, chứ chưa phải là sự thừa nhận giám sát điện tử như một hình phạt.⁵² Do đó, tác giả sử dụng nguồn Dự thảo như là một nội dung để nghiên cứu, so sánh với cách thiết kế và vận hành biện pháp giám sát điện tử trong pháp luật Pháp.

48 Về thời gian giam giữ tại nhà phải hợp lý, cho phép người ta có thời gian làm việc, sinh hoạt thiết yếu.

49 Nguyễn Ngọc Hòa, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018, tr. 323.

50 Khoản 1 Điều 7 Thông tư 10/2024/TT-BCA quy định về công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù của lực lượng công an nhân dân. Xem Nguyễn Tất Viễn, “Tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Bộ luật Hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 08(192), 2025, tr. 81-92, DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.302>

51 Điều 45a và 45b Dự thảo.

52 Xem điểm d khoản 1 Điều 135 và Điều 139 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

Về điều kiện áp dụng: Việt Nam và Pháp có sự khác biệt cơ bản về điều kiện áp dụng giám sát điện tử. Tại Việt Nam, giám sát điện tử được xác định là hình phạt bổ sung, chỉ áp dụng sau khi có bản án kết tội và đối với người được hưởng các hình thức không giam giữ hoặc tạm tha (án treo, quản chế, cấm cư trú, tha tù trước thời hạn). Điều kiện này mang tính hình thức (tình trạng pháp lý) và định tính (loại tội danh cụ thể được liệt kê), thể hiện sự thận trọng, tập trung vào những tội phạm có nguy cơ tái phạm hoặc gây hại cộng đồng.

Ngược lại, Pháp áp dụng giám sát điện tử chủ yếu dựa trên tiêu chí về mức án tù ngắn và đánh giá cá nhân của người bị kết án, thay vì chỉ dựa vào tên tội danh. Tòa án và Thẩm phán áp dụng hình phạt (*juge de l'application des peines*, JAP) đánh giá thái độ cải tạo, điều kiện cư trú, việc làm, khả năng kiểm soát và triển vọng tái hòa nhập của người bị kết án. Từ kinh nghiệm này, nếu Việt Nam nghiên cứu áp dụng trong tương lai, điều kiện cư trú rõ ràng, khả năng lắp đặt thiết bị, thái độ hợp tác của người bị giám sát và sự đồng ý của người quản lý nơi cư trú cần được xem là các tiêu chí bắt buộc.

Về phạm vi áp dụng và mục đích: Phạm vi áp dụng của giám sát điện tử cũng có sự khác biệt đáng kể. Theo quan điểm của Bộ Công an, giám sát điện tử là hình phạt bổ sung, chỉ áp dụng trong giai đoạn xét xử và thi hành án. Thời hạn giám sát không vượt quá thời gian thử thách, quản chế hoặc cấm cư trú tương ứng và không thể gia hạn thêm. Mục đích chính là kiểm soát người được hưởng các chính sách khoan hồng, đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ và ngăn ngừa tái phạm. Ví dụ, tòa tuyên phạt 2 năm quản chế thì thời gian đeo vòng tối đa 2 năm, không quá thời gian thử thách của người án treo hoặc thời hạn còn lại mà người được tha tù trước thời hạn phải chịu quản lý. Chẳng hạn, bị cáo được hưởng án treo 3 năm thử thách thì đeo vòng tối đa 3 năm; phạm nhân còn 1 năm 6 tháng tù được tha trước hạn thì đeo vòng tối đa 1 năm 6 tháng. Nhìn chung, thời hạn giám sát điện tử gắn với thời gian người đó chịu sự giám sát ngoài xã hội theo quyết định của tòa án.

Về loại tội phạm áp dụng: Dự thảo liệt kê một số nhóm tội cụ thể mà nếu người phạm tội thuộc các nhóm này thì có thể bị tòa án xem xét áp dụng hình phạt giám sát điện tử. Các nhóm tội gồm: xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác; cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác; gây rối trật tự công cộng; đua xe trái phép; các tội về ma túy; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ, chồng, con, cháu hoặc người nuôi dưỡng; các tội xâm phạm an ninh quốc gia vì mục đích chống chính quyền nhân dân. Danh sách này bao quát nhiều nhóm hành vi từ ít nghiêm trọng đến rất nghiêm trọng, cho thấy phạm vi cần nhắc áp dụng giám sát điện tử khá rộng,⁵³ nếu không bị phạt tù giam thì việc giám sát điện tử với những tội này sẽ giúp Nhà nước quản lý chặt chẽ hơn trong cộng đồng.

Dự thảo cũng mở rộng khả năng áp dụng giám sát điện tử với các tội phạm ngoài danh sách, nếu xét thấy cần thiết. Cụ thể, tòa án có thể áp dụng biện pháp này đối với người chấp hành hình phạt chính hoặc bổ sung khác, hoặc người được tha tù trước hạn, dựa trên tính chất và mức độ hành vi phạm tội. Quy định linh hoạt này cho phép tòa án áp dụng giám sát điện tử trong các trường hợp đặc thù, dù tội danh không nằm trong danh sách, nhằm đảm bảo mục tiêu trừng trị và phòng ngừa.⁵⁴

53 Các tội như làm nhục người khác, vu khống, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, hoạt động nhằm lật đổ chính quyền, ...

54 Khoản 3 Điều 45b Dự thảo BLHS sửa đổi năm 2025.

Tại Pháp, thời hạn giám sát linh hoạt hơn, có thể kéo dài từ vài tuần đến nhiều năm tùy từng trường hợp, thậm chí gia hạn nếu cần. Mục đích của Pháp đa dạng hơn, bao gồm: tái hòa nhập xã hội, nhân đạo hóa hình phạt, giảm tải cho trại giam, và bảo vệ cộng đồng (đặc biệt với PSEM). So với Pháp, phạm vi áp dụng tại Việt Nam hẹp hơn, tập trung chủ yếu vào giai đoạn thi hành án.

Về cơ chế kiểm soát và thực thi: Cả hai quốc gia đều sử dụng thiết bị điện tử đeo trên người để giám sát từ xa. Việt Nam đang chuẩn bị áp dụng công nghệ hệ thống định vị toàn cầu (*Global Positioning System*, GPS) và cảm biến hiện đại, có khả năng cảnh báo khi đối tượng vi phạm khu vực cho phép hoặc tháo thiết bị. Chi phí thiết bị tại Việt Nam dự kiến do ngân sách nhà nước chi trả hoàn toàn.

Với kinh nghiệm lâu năm, Pháp đã phát triển từ công nghệ tần số vô tuyến sang hệ thống GPS hiện đại, bao gồm cả vòng “chống tiếp cận” cho trường hợp bạo lực gia đình. Cơ quan quản lý trại giam, hỗ trợ tái hòa nhập và quản chế (*Service pénitentiaire d'insertion et de probation*, SPIP) tại Pháp đảm nhiệm việc giám sát, phối hợp với nhà thầu kỹ thuật. Quy trình xử lý vi phạm tại Pháp rất chi tiết, từ cảnh báo qua điện thoại đến việc ra lệnh bắt giữ nếu vi phạm nghiêm trọng.

Tại Việt Nam, Cơ quan thi hành án hình sự có khả năng quản lý trung tâm giám sát. Hệ thống công an cấp phường/xã có lợi thế trong việc kiểm tra tại chỗ khi có cảnh báo. Về chế tài vi phạm, nếu người chấp hành án treo vi phạm nghiêm trọng, án treo có thể bị hủy và phải chấp hành án tù. Vấn đề bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư là điểm cần được quan tâm ở cả hai quốc gia. Về chi phí, Pháp có thể yêu cầu phạm nhân chịu một phần nhỏ, trong khi Việt Nam dự kiến bao cấp hoàn toàn.

3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giám sát điện tử tại Việt Nam

Từ những phân tích trên, cần thiết nghiên cứu và bổ sung hình phạt giám sát điện tử trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Đồng thời, để phát huy tối đa hiệu quả áp dụng hình phạt giám sát điện tử chúng tôi đề xuất một số vấn đề về thẩm quyền và thủ tục thi hành, qua đó, đề xuất các cơ quan lập pháp nghiên cứu tính khả thi và hiệu quả của hình phạt này trong thực tiễn pháp luật Việt Nam. Cụ thể:

Một là, về thẩm quyền quyết định, Tòa án cần là cơ quan quyết định việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ giám sát điện tử trong bản án hoặc bằng quyết định tư pháp riêng ở giai đoạn thi hành án. Cơ quan thi hành án hình sự chỉ nên có thẩm quyền kiểm tra, lập hồ sơ vi phạm và kiến nghị Tòa án xem xét. Cách thiết kế này bảo đảm tính tư pháp của biện pháp hạn chế tự do, đồng thời bảo vệ quyền khiếu nại, quyền được giải trình của người bị giám sát.

Hai là, về thủ tục áp dụng tại phiên tòa, Bộ luật Tố tụng hình sự cần quy định rõ trường hợp Tòa án áp dụng giám sát điện tử thì bản án hoặc quyết định phải xác định căn cứ áp dụng, thời hạn, phạm vi di chuyển, nghĩa vụ trình diện và hậu quả pháp lý khi vi phạm. Quy định như vậy giúp cơ quan thi hành án hình sự có căn cứ tổ chức thực hiện và giúp người bị giám sát biết rõ giới hạn quyền, nghĩa vụ của mình.

Ba là, về thủ tục gắn, tháo và quản lý thiết bị, cần có nghị định của Chính phủ hoặc thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành án hình sự tại cộng đồng, trong đó quy định trình tự lắp thiết bị, lập biên bản bàn giao, hướng dẫn sử dụng, kiểm tra định kỳ, thu hồi thiết bị khi hết thời hạn và xử lý trường hợp từ chối đeo thiết bị. Việc từ chối

hoặc cố ý phá hỏng thiết bị cần được xác định là hành vi vi phạm nghĩa vụ chấp hành án để Tòa án xem xét hậu quả pháp lý tương ứng.

Bốn là, về xử lý vi phạm, cần ban hành quy trình bằng văn bản dưới luật, tốt nhất là thông tư liên tịch giữa Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Quy trình này cần phân loại vi phạm theo mức độ: vi phạm kỹ thuật hoặc vi phạm lần đầu; vi phạm lặp lại; và vi phạm nghiêm trọng như cố ý tháo, phá thiết bị, mất tín hiệu không có lý do chính đáng hoặc phạm tội mới. Thẩm quyền xử lý cuối cùng đối với việc hủy, thay đổi hoặc tăng mức kiểm soát vẫn phải thuộc về Tòa án.

Năm là, về điều kiện kỹ thuật và tổ chức thi hành, việc triển khai cần theo lộ trình thí điểm có kiểm soát trước khi áp dụng rộng rãi. Nội dung thí điểm nên tập trung vào độ ổn định của thiết bị, khả năng cảnh báo, quy trình phối hợp giữa trung tâm giám sát và công an địa phương, chi phí vận hành, bảo mật dữ liệu và tác động đối với người chấp hành án. Kết quả thí điểm phải được tổng kết bằng báo cáo đánh giá độc lập để làm căn cứ hoàn thiện quy định pháp luật.

Sáu là, về trung tâm giám sát, pháp luật cần xác định rõ cơ quan quản lý dữ liệu, cơ quan trực tiếp vận hành, thẩm quyền tiếp nhận cảnh báo và trách nhiệm phản ứng ban đầu. Hệ thống kỹ thuật chỉ nên được xem là công cụ hỗ trợ thi hành án; quyết định hạn chế thêm quyền tự do hoặc thay đổi tình trạng pháp lý của người bị giám sát vẫn phải do cơ quan có thẩm quyền tư pháp xem xét.

Bảy là, hoàn thiện chính sách hỗ trợ người chấp hành. Kinh nghiệm Pháp cho thấy giám sát điện tử hiệu quả nhất khi kết hợp với các chương trình hỗ trợ như bắt buộc lao động, giáo dục, thăm gặp của cán bộ xã hội.⁵⁵ Vì vậy, kiến nghị các cơ quan tư pháp Việt Nam cũng áp dụng cách tiếp cận này. Tòa án nên quy định người hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ như lao động công ích. Cán bộ quản lý cần tiếp xúc trực tiếp định kỳ để giáo dục và động viên, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào thiết bị giám sát. Đồng thời, cần tạo điều kiện cho họ tiếp cận các chương trình tái hòa nhập như học nghề, tìm việc làm và tư vấn tâm lý.

Tám là, xây dựng nhận thức và đồng thuận xã hội. Nhà nước nên tuyên truyền về mục đích tích cực của hình phạt giám sát điện tử. Người dân cần hiểu rằng, biện pháp này không đồng nghĩa với việc buông lỏng quản lý người phạm tội mà là quản lý bằng công nghệ, giúp tiết kiệm và nhân đạo hơn. Có thể thông qua các phương tiện truyền thông chính thống giải thích lợi ích, dẫn chứng kinh nghiệm thành công ở các nước (ví dụ, tỷ lệ tái phạm giảm như nghiên cứu đã nêu).⁵⁶ Đồng thời, cần kêu gọi cộng đồng hỗ trợ người chấp hành: không kỳ thị, tạo điều kiện làm ăn lương thiện. Bản thân người đeo vòng cũng cần được giải thích rõ quyền và nghĩa vụ, buộc họ phải hợp tác.

Chín là, cần hoàn thiện quy định về dữ liệu cá nhân. Cần bổ sung các quy định nhằm bảo vệ dữ liệu thu được từ giám sát điện tử, xác định rõ ai được quyền truy cập thông tin về vị trí, hành trình của người đeo vòng; thời hạn lưu trữ dữ liệu và việc hủy dữ liệu sau khi không còn cần thiết, tránh lạm dụng. Mọi hành vi cố ý tiết lộ, sử dụng sai mục đích dữ liệu giám sát phải bị nghiêm cấm và có chế tài xử lý đối với cán bộ vi phạm. Đồng thời, cần quy định thiết bị giám sát phải an toàn cho sức khỏe (không gây hại thân thể người đeo) và kín đáo ở mức có thể (thiết kế nhỏ gọn, dễ giấu dưới

55 Anaïs Henneguelle, Benjamin Monnery and Annie Kensey, *lđđ*.
56 *Như trên*.

trang phục) để đảm bảo nhân phẩm người chấp hành. Các yêu cầu này cần được nội luật hóa bằng quy định cụ thể của Việt Nam; việc tham khảo khuyến nghị quốc tế chỉ có ý nghĩa hỗ trợ để bảo đảm tính cần thiết, tương xứng và bảo vệ nhân phẩm khi sử dụng giám sát điện tử.⁵⁷

Kết luận

Giám sát điện tử là xu hướng tiến bộ giúp cân bằng giữa trừng phạt, phòng ngừa và tái hòa nhập xã hội. Kinh nghiệm từ Pháp cho thấy biện pháp này có thể góp phần giảm tải nhà tù và hạn chế tái phạm nếu được thiết kế với điều kiện áp dụng chặt chẽ. Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu áp dụng giám sát điện tử như một cơ chế kiểm soát trong thi hành án hình sự hoặc điều kiện kèm theo các biện pháp không giam giữ. Tuy nhiên, để triển khai thành công, cần chuẩn bị đầy đủ về pháp lý, công nghệ, cơ sở vật chất, nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Matt Black and Russell G. Smith, “Electronic monitoring in the criminal justice system”, *Trends and issues in crime and criminal justice*, No. 254, 2003
- [2] Adèle Cailleteau, “Peines alternatives à la prison: les 4 constats de la Cour des comptes”, *ASH*, 2025
- [3] Marie Crètenot, *Alternatives to Prison in Europe: France, Antigone Edizioni*, Rome, 2015
- [4] Paule Gonzalès, “Détention à domicile sous bracelet électronique, travail d’intérêt général... Le fiasco de la prison”, *Le Figaro*
- [5] Anaïs Henneguelle, Benjamin Monnery and Annie Kensey, “Better at home than in prison? The effects of electronic monitoring on recidivism in France”, *The Journal of Law & Economics*, Vol. 59(3), 2016
- [6] Nguyễn Ngọc Hòa, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2018 [trans: Nguyen Ngoc Hoa, *Scientific Commentary on the 2015 Penal Code, amended and supplemented in 2017 (General Part)*, Justice Publishing House, Hanoi, 2018]
- [7] Nguyễn Thị Ánh Hồng, “Hình phạt cộng đồng trong luật hình sự một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 08(192), 2025 [trans: Nguyen Thi Anh Hong, “Community Sanctions in the Criminal Law of Selected Jurisdictions and Lessons for Viet Nam”, *Vietnam Journal of Legal Sciences*, Vol. 192(08), 2025], DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.297>
- [8] Annie Kensey, René Lévy, Abdelmalik Benaouda, “Le développement de la surveillance électronique en France et ses effets sur la récidive”, *Criminologie*, Vol. 43(2), 2010, DOI : <https://doi.org/10.7202/1001773ar>
- [9] Le Figaro avec AFP, “Quelles sont les prochaines étapes après la condamnation de Nicolas Sarkozy au port d’un bracelet électronique”, *Le Figaro*
- [10] Mike Nellis, “Understanding the electronic monitoring of offenders in Europe: Expansion, regulation and prospects”, *Crime, Law and Social Change*, Vol. 62, 2014, DOI: <https://doi.org/10.1007/s10611-014-9540-8>
- [11] Nguyễn Tất Viễn, “Tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Bộ luật Hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 08(192), 2025 [trans: Nguyen Tat Vien, “Conditional early release in the 2015 Penal Code”, *Vietnam Journal of Legal Sciences*, Vol. 192(08), 2025], DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.302>

57 Mike Nellis, *ltd.*